**TỔNG HỢP Ý KIẾN GÓP Ý**

***(Theo văn bản xin ý kiến số 7879/BGTVT-VT)***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TÊN ĐƠN VỊ** | **Ý KIẾN GÓP Ý** | **Ý KIẾN TIẾP THU GIẢI TRÌNH** |
| **Vụ Tổ chức cán bộ** | Khoản 4 Điều 55  Đề nghị sửa cụm từ “cơ quan có thẩm quyền” thành “cơ quan đăng ký thuyền viên” để thống nhất với quy định tại khoản 4 Điều 49. | Tiếp thu ý kiến và chỉnh sửa như sau:  *“4. Cơ quan đăng ký thuyền viên phải thực hiện đúng thẩm quyền, thủ tục và thời hạn cấp, cấp lại sổ thuyền viên; không yêu cầu nộp thêm bất cứ giấy tờ nào mà Thông tư này không quy định trong thành phần hồ sơ”* |
|  | Đối với các nội dung sửa đổi, bổ sung tại Thông tư có liên quan đến thủ tục hành chính trên môi trường mạng, đề nghị rà soát, thống nhất với các từ chuyên ngành được quy định tại Luật Giao dịch điện tử. | Đã thực hiện triển khai rà soát. |
| **Vụ Tài chính** | Khoản 4 Điều 53  Phí và lệ phí cấp Sổ thuyền viên thực hiện theo quy định pháp luật về phí, lệ phí và hướng dẫn của Bộ Tài chính. | Tiếp thu ý kiến và chỉnh sửa như sau:  *“Phí và lệ phí cấp Sổ thuyền viên thực hiện theo quy định pháp luật về phí, lệ phí và hướng dẫn của Bộ Tài chính.”* |
|  | Khoản 5 Điều 54  Phí và lệ phí cấp lại Sổ thuyền viên thực hiện theo quy định pháp luật về phí, lệ phí và hướng dẫn của Bộ Tài chính. | Tiếp thu ý kiến và chỉnh sửa như sau:  *“Phí và lệ phí cấp lại Sổ thuyền viên thực hiện theo quy định pháp luật về phí, lệ phí và hướng dẫn của Bộ Tài chính.”* |
| **Văn phòng Bộ** | **Đề nghị** cơ quan soạn thảo nghiên cứu quy định yêu cầu hồ sơ phù hợp với hình thức nộp hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến theo đúng yêu cầu tại khoản 1,2 Điều 13 Thông tư 01/2023: |  |
|  | **Điểm b khoản 1 Điều 53**  *b) Hai (02) ảnh màu, cỡ 4cm x 6cm, theo* ***kiểu*** *chụp căn cước công dân chụp trong vòng 06 tháng trước ngày nộp hồ sơ* | Đề nghị giữ nguyên như dự thảo (quy định hiện nay tại Thông tư 23) để đáp ứng yêu cầu của thực tế.  Theo quy định, sổ thuyền viên gồm 48 trang; để thực hiện in thông tin và cấp sổ thuyền viên, các cơ quan đăng ký thuyền viên đang sử dụng máy in kim đen trắng, do đó không thể triển khai in trực tiếp ảnh như các thủ tục hành chính khác vào sổ mà phải qua công đoạn dán ảnh.  Cục Hàng hải Việt Nam đã thực hiện khảo sát trên thị trường máy in để tìm loại máy in màu có thể in đối với dạng phôi sổ (dày tối thiểu 3mm) nhưng hiện chưa có loại máy nào đáp ứng yêu cầu.  Việc quy định nộp *Hai* (*02) ảnh màu, cỡ 4cm x 6cm là* cần thiết và chưa có phương án thay thế khả thi trong thời điểm hiện tại. |
|  | **Điểm e khoản 1 Điều 53**  *e) Văn bản tiếp nhận thực tập của chủ tàu (đối với học viên thực tập).* | Tiếp thu và chỉnh sửa như sau:  *“e)* Bản gốc hoặc Bản sao có chứng thực hoặc bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao điện tử được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính*văn bản tiếp nhận thực tập của chủ tàu (đối với học viên thực tập).”* |
|  | **Điểm b khoản 2 Điều 54**  b) Sổ thuyền viên đã cấp (đối với trường hợp bị hỏng, hết số trang sử dụng hoặc *thay đổi* thông tin); | Đề nghị giữ nguyên như dự thảo, vì:  Việc nộp Sổ thuyền viên đã qua sử dụng trước khi cấp mới để cán bộ thẩm định thực hiện gạch chéo những trang còn trống, đục lỗ Sổ thuyền viên và phô tô một bản để lưu hồ sơ. Sổ thuyền viên cũ sau khi thực hiện quy trình như trên thể hiện đã hết hiệu lực sử dụng, sẽ được trả cho thuyền viên cùng Sổ thuyền viên được cấp mới.  Việc thực hiện quy trình này nhằm đảm bảo quyền lợi cho thuyền viên trong việc ghi nhận thời gian đi biển (thâm niên công tác) trong Sổ thuyền viên.  Đồng thời, ngăn ngừa trường hợp chủ tàu, thuyền viên sử dụng Sổ thuyền viên đã hết hiệu lực để ghi việc bố trí chức danh, thời gian đi biển. Các bản ghi xác nhận bố trí chức danh sau thời điểm Sổ thuyền viên hết hiệu lực sẽ không được tính vào thời gian đi biển của thuyền viên dẫn đến thiệt thòi khi thuyền viên thực hiện cấp lại chứng chỉ chuyên môn hoặc thi nâng hạng. |
|  | c) Giấy tờ có giá trị pháp lý chứng minh sự điều chỉnh đối với trường hợp *thay đổi* thông tin; | Tiếp thu và chỉnh sửa như sau:  “c) Bản gốc hoặc Bản sao có chứng thực hoặc bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao điện tử được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính,*giấy tờ có giá trị pháp lý chứng minh sự điều chỉnh đối với trường hợp thay đổi thông tin;”* |
|  | d) Hai (02) ảnh màu, cỡ 4cm x 6cm, theo **kiểu** chụp căn cước công dân chụp trong vòng 06 tháng trước ngày nộp hồ sơ. | Đề nghị giữ nguyên như dự thảo (quy định hiện nay tại Thông tư 23) để đáp ứng yêu cầu của thực tế.  Theo quy định, Sổ thuyền viên gồm 48 trang; để thực hiện in thông tin và cấp Sổ thuyền viên, các cơ quan đăng ký thuyền viên đang sử dụng máy in kim đen trắng, do đó không thể triển khai in trực tiếp ảnh như các thủ tục hành chính khác vào sổ mà phải qua công đoạn dán ảnh.  Cục Hàng hải Việt Nam đã thực hiện khảo sát trên thị trường máy in để tìm loại máy in màu có thể in đối với dạng phôi sổ (dày tối thiểu 3mm) nhưng hiện chưa có loại máy nào đáp ứng yêu cầu.  Việc quy định nộp *Hai (02) ảnh màu, cỡ 4cm x 6cm là* cần thiết và chưa có phương án thay thế khả thi trong thời điểm hiện tại. |
|  | **Đề nghị** cơ quan soạn thảo xem xét bỏ thành phần hồ sơ: *Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính Giấy chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu đối với trường hợp không có căn cước công dân vì các thông tin cá nhân đã được kê khai tại mẫu.*  *đồng thời chỉ yêu cầu nộp Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính Hộ chiếu (đối với thuyền viên là người nước ngoài* | Đề nghị giữ nguyên như dự thảo.  Theo yêu cầu của Nghị quyết 80/NQ-CP và Luật dân cư, Dự thảo đã không yêu cầu thành phần hồ sơ căn cước công dân đối với trường hợp thuyền viên có căn cước công dân.  Thực tế, vẫn còn công dân sử dụng CMND 9 số (chưa đổi sang căn cước công dân)  Hiện Cổng DVC Bộ GTVT đã có công cụ hỗ trợ tra cứu CSDL dân cư. Để tra cứu được cần nhập thông tin mã định danh công dân (số căn cước công dân), việc tra cứu này không áp dụng được cho chứng minh nhân dân 09 số hoặc hộ chiếu.  Việc yêu cầu nộp bản chứng minh nhân dân khi thuyền viên sử dụng chứng minh nhân dân 09 số (khi thuyền viên chưa có căn cước công dân) làm thủ tục hành chính nhằm xác minh tính chính xác thông tin khai của thuyền viên, tránh xô lệch dữ liệu cá nhân thuyền viên trong cơ sở dữ liệu quản lý thuyền viên. Việc bảo đảm tính chính xác thông tin nhằm thực hiện đề án 06, hướng tới hoàn thiện kết nối cơ sở dữ liệu thuyền viên với Cơ sở dữ liệu dùng chung của Bộ GTVT, Cơ sở dữ liệu CSDL quốc gia về dân cư;  Do đó thành phần hồ sơ này rất quan trọng nhằm đảm bảo trong công tác quản lý, cập nhật, triển khai các nhiệm vụ được giao có liên quan đến Cơ sở dữ liệu của thuyền viên. |
|  | Điểm a khoản 2 Điều 53  a) Trường hợp hồ sơ nộp trực tiếp, nếu hồ sơ đầy đủ thì cấp giấy biên nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả *theo thời hạn quy định tại khoản 3 Điều này*; nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì trả lại ngay và hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện lại hồ sơ; | Tiếp thu và chỉnh sửa:  *“a)* Trường hợp hồ sơ nộp trực tiếp, nếu hồ sơ đầy đủ thì cấp giấy biên nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả *theo thời hạn quy định tại khoản 3 Điều này;* nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì trả lại ngay và hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện lại hồ sơ;” |
| **Vụ Khoa học công nghệ và môi trường** | Thống nhất với nội dung của dự thảo |  |
| **Cục Đường thủy nội địa** | Thống nhất với nội dung của dự thảo |  |